

Số: 3187/2016/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung
về đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc thẩm quyền
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về phê duyệt Chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng năm 2016;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 56/TTr-KHĐT ngày 30/11/2016; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 68/BCTĐ-STP ngày 02/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết một số nội dung về đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Các Bộ: GTVT, XD, KHĐT, TNMT, TC, TP;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Thành ủy, TT HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Các PCVP;
- Các phòng: TH, XD, GT&CT, TC-NS;
- Công báo TP; Báo HP; Đài PT&TH HP;
- Công thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH

Chi tiết một số nội dung về đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3187/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này gồm một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là PPP).

Những nội dung có liên quan đến đầu tư theo hình thức PPP không được quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân, cơ quan nhà nước liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Cơ quan đầu mối quản lý hoạt động PPP

Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động PPP của thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án

1. Ủy ban nhân dân thành phố ký kết hợp đồng dự án đối với dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và giao cho cơ quan chuyên môn, Ban quản lý dự án trực thuộc thành phố quản lý và thực hiện hợp đồng dự án. Việc giao đơn vị quản lý và thực hiện hợp đồng dự án được quy định trong Quyết định phê duyệt đề xuất dự án PPP.

2. Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện ký kết và thực hiện hợp đồng dự án nhóm B và nhóm C. Phạm vi ủy quyền, trách nhiệm của cơ quan được ủy quyền thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ và được quy định cụ thể trong Quyết định phê duyệt đề xuất dự án PPP.

3. Cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án tại Khoản 2 Điều này giao đơn vị quản lý dự án thực hiện các hoạt động thuộc trách nhiệm của cơ quan, nhưng trong mọi trường hợp phải chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ đã cam kết theo hợp đồng dự án.

Điều 4. Chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án, nguồn vốn hỗ trợ chuẩn bị đầu tư

1. Chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Cơ quan đầu mối quản lý hoạt động PPP; các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện; cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án nhóm B và nhóm C; đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao quản lý và thực hiện hợp đồng dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, hàng năm lập kế hoạch dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, đề xuất bố trí từ nguồn vốn ngân sách thành phố trong kế hoạch chi đầu tư phát triển hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định, tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố trong việc sử dụng các nguồn vốn quy định tại các Điểm b,c,d và đ Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ đối với các chi phí quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Sở Tài chính chủ trì tổng hợp, đề xuất bố trí từ nguồn ngân sách Thành phố trong kế hoạch chi sự nghiệp hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định đối với các chi phí quy định tại các Điểm d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ chuẩn bị đầu tư quy định tại Điều 6 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

Điều 5. Lập kế hoạch vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì lập và tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và hàng năm của thành phố theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ trên cơ sở báo cáo, đề nghị của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện; cơ quan được ủy quyền ký kết và thực

hiện hợp đồng dự án nhóm B và nhóm C; đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao quản lý và thực hiện hợp đồng dự án nhóm A.

Điều 6. Lựa chọn dự án đầu tư theo hình thức PPP do Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất

1. Điều kiện lựa chọn dự án

a) Điều kiện lựa chọn dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Trường hợp Dự án chưa có trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến thống nhất của Sở quản lý chuyên ngành và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung quy hoạch, kế hoạch.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý kinh tế - xã hội theo phân công, phân cấp, điều kiện lựa chọn dự án tại Khoản 1 Điều này; các Sở, ngành, Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố, Ban quản lý dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, lựa chọn đề xuất danh mục dự án đầu tư theo hình thức PPP gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận và giao cơ quan, đơn vị lập đề xuất dự án.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và công bố dự án do Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đề xuất dự án nhóm A, B, C.

2. Đối với các dự án có sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, căn cứ mức vốn và nguồn vốn dự kiến sử dụng, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quyết định chủ trương đầu tư trước khi phê duyệt đề xuất dự án.

3. Hồ sơ đề xuất, thời hạn phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 17 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện công bố dự án, danh mục dự án được phê duyệt trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Thời hạn và nội dung công bố thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 8. Dự án do nhà đầu tư đề xuất

1. Nhà đầu tư được đề xuất thực hiện dự án ngoài các dự án, danh mục dự án được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và công bố. Điều kiện đề xuất dự án và nội dung hồ sơ đề xuất dự án thực hiện theo quy định tại Điều 20, 21 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư và tổ chức thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trường hợp đề xuất dự án không được phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho nhà đầu tư đề xuất dự án bằng văn bản. Trường hợp đề xuất dự án được phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện công bố đề xuất dự án và thông tin về nhà đầu tư đề xuất dự án theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Đối với đề xuất dự án liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, bí mật thương mại, công nghệ hoặc các thỏa thuận huy động vốn để thực hiện dự án có yêu cầu được bảo mật, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thỏa thuận với nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về nội dung công bố.

Điều 9. Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án *nhóm B* hoặc đơn vị được giao quản lý thực hiện hợp đồng dự án nhóm A tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi để trình thẩm định, phê duyệt.

2. Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất và được phê duyệt theo quy định tại Điều 8 Quy định này, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố giao nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi. Trường hợp nhà đầu tư không có nhu cầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố giao cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án nhóm B hoặc đơn vị được giao quản lý và thực hiện hợp đồng dự án nhóm A lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

3. Trường hợp giao cho nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố văn bản thỏa thuận với nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổ chức thẩm định hoặc thuê tư vấn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi. Hồ sơ, nội dung và thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 26 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

6. Thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Việc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 10. Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối thực hiện các thủ tục trình Ủy ban nhân dân thành phố cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố (trừ dự án thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng) và thực hiện thủ tục về thành lập doanh nghiệp dự án.

Trong trường hợp dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án.

2. Hồ sơ, thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nội dung giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 40, 41 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp dự án thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ và quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 11. Triển khai thực hiện dự án

1. Việc triển khai dự án thực hiện theo quy định tại Chương VII Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án hoặc đơn vị quản lý thực hiện hợp đồng dự án nhóm A có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các đơn vị liên quan tổ chức giải phóng mặt bằng và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, hợp đồng dự án và các hợp đồng liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Là cơ quan đầu mối quản lý đầu tư theo hình thức PPP của thành phố.

b) Chủ trì, hướng dẫn các Sở, ngành, Ban quản lý dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện trong việc đề xuất, lựa chọn dự án đầu tư theo hình thức PPP; lập thẩm định đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi và công bố dự án đầu tư theo hình thức PPP.

c) Chủ trì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố cân đối, bố trí từ nguồn vốn ngân sách thành phố trong kế hoạch chi đầu tư phát triển hàng năm đối với các chi phí theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

d) Chủ trì lập và tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và hàng năm của thành phố theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

đ) Chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi; thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quy định này. Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt chủ trương sử dụng phân vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án.

e) Chịu trách nhiệm thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư theo hình thức PPP đúng quy định pháp luật về đấu thầu.

g) Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện dự án thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất các loại hợp đồng khác tương tự của loại hợp đồng được quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

i) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc thực hiện các hình thức bảo đảm đầu tư khác chưa được quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

k) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm Sở Tài chính:

a) Chủ trì tổng hợp, đề xuất bố trí từ nguồn ngân sách thành phố trong Kế hoạch chi sự nghiệp hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định đối với các chi phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy định này.

b) Phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định phương án tài chính của đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn công tác giải ngân phần vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Chủ trì hướng dẫn các nội dung liên quan về quản lý giá, phí hàng hóa, dịch vụ, các khoản thu khác trong dự án và công tác thanh toán, quyết toán công trình dự án theo quy định.

đ) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:

a) Lựa chọn dự án thực hiện theo hình thức PPP, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án hoặc đơn vị được giao quản lý thực hiện hợp đồng dự án đối với dự án triển khai theo hình thức PPP trong lĩnh vực quản lý; Giám sát thực hiện hợp đồng dự án và chất lượng công trình.

b) Chủ trì hướng dẫn việc lập, thực hiện thẩm định thiết kế sơ bộ, thiết kế cơ sở trong hồ sơ đề xuất, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đối với các dự án có cấu phần xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng.

c) Chủ trì hướng dẫn và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng.

d) Phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các đơn vị liên quan tổ chức giải phóng mặt bằng và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đối với các dự án được ủy quyền ký kết hợp đồng.

đ) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ liên quan khác theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm các Sở, ngành liên quan:

a) Lựa chọn dự án thực hiện theo hình thức PPP; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án; thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án hoặc đơn vị được giao quản lý và thực hiện hợp đồng dự án đối với dự án triển khai theo hình thức PPP trong lĩnh vực quản lý; giám sát thực hiện hợp đồng dự án và chất lượng công trình.

b) Phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các đơn vị liên quan tổ chức giải phóng mặt bằng và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đối với các dự án được ủy quyền ký kết hợp đồng.

c) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ liên quan khác theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

a) Lựa chọn dự án thực hiện theo hình thức PPP, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án hoặc đơn vị được giao quản lý và thực hiện hợp đồng dự án đối với dự án triển khai theo hình thức PPP trong lĩnh vực được Thành phố phân cấp hoặc ủy quyền; Giám sát thực hiện hợp đồng dự án và chất lượng công trình.

b) Tổ chức công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định pháp luật và Thành phố.

c) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

6. Trách nhiệm các Ban quản lý dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Thực hiện nhiệm vụ của đơn vị quản lý và thực hiện hợp đồng dự án PPP khi được Ủy ban nhân dân thành phố giao; Giám sát thực hiện hợp đồng dự án và chất lượng công trình.

b) Phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các đơn vị liên quan tổ chức giải phóng mặt bằng và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án.

c) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

7. Trách nhiệm Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố:

a) Lựa chọn, đề xuất dự án thực hiện theo hình thức PPP.

b) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Các tổ chức, cá nhân, cơ quan nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quy định này có trách nhiệm thực hiện Quy định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng